

Số: 16/2025/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Quách Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 16/2025/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên họp số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Đặng Thị V, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh T.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH P1.

Địa chỉ: Lô TD1, đường T1, khu công nghiệp P2, phường P3, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Dong W – Giám đốc.

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

Địa chỉ: Số 07, đường L, phường L1, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T2 - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mạc Thanh H – Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

2.3. Chị Bùi Thị Nguyên H1, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn Đ 2, xã P, thành phố T, tỉnh T.

(Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Đặng Thị V trình bày:

Tháng 3 năm 2005, chị Đặng Thị V ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1, công việc chính là công nhân may. Đến tháng 6 năm 2009, chị V chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P1. Do không hiểu biết về pháp luật, chị V đã mượn bằng trung học cơ sở và chứng minh thư nhân dân của chị Bùi Thị Nguyên H1 để ký hợp đồng lao động với công ty. Vì vậy, mặc dù trên thực tế chị V là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH P1 nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị V với công ty, người lao động tên là Bùi Thị Nguyên H1 và sổ bảo hiểm xã hội của chị V đóng trong thời gian này mang tên Bùi Thị Nguyên H1, số sổ bảo hiểm xã hội 2606001953. Chị V được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 2543/QĐ/BHXH-CĐCS ngày 18/6/2010 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T với số tiền là 6.395.017 đồng bằng tên của chị H1. Chị V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết mang tên chị Bùi Thị Nguyên H1 (trên thực tế là chị Đặng Thị V ký) và Công ty TNHH P1 trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P1 trình bày:

Công ty TNHH P1 xác nhận chị Bùi Thị Nguyên H1 đã ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH P1 trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009. Công ty TNHH P1 đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho chị Bùi Thị Nguyên H1, số sổ bảo hiểm xã hội 2606001953 từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009. Đến tháng 6 năm 2009, chị Bùi Thị Nguyên H1 đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1. Công ty TNHH P1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T trình bày:

Thời gian đóng BHXH, BHYT của chị Bùi Thị Nguyên H1 từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 tại Công ty TNHH P1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 2606001953 là 04 năm 03 tháng, đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần. Việc chị Bùi Thị Nguyên H1 cho chị Đặng Thị V mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN, nay chị Đặng Thị V đề nghị Tòa án tuyên

bổ hợp đồng lao động ký kết giữa chị Đặng Thị V (nhưng lấy tên là Bùi Thị Nguyên H1) với Công ty TNHH P1 trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 theo sổ bảo hiểm xã hội số 2606001953 vô hiệu. Bảo hiểm xã hội tỉnh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Nguyên H1 trình bày:

Tháng 3 năm 2005, chị cho chị Đặng Thị V mượn bằng trung học cơ sở và chứng minh thư nhân dân mang tên chị là Bùi Thị Nguyên H1 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1, đến tháng 6 năm 2009, chị V chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty TNHH P1. Trên thực tế, chị Đặng Thị V là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH P1, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị V với công ty, người lao động tên là Bùi Thị Nguyên H1 và sổ bảo hiểm xã hội của chị V đóng trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 mang tên Bùi Thị Nguyên H1, số sổ bảo hiểm xã hội 2606001953. Bản thân chị H1 chưa từng làm việc tại Công ty TNHH P1. Vì vậy, chị H1 đồng ý đối với yêu cầu của chị V về việc đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Đặng Thị V mang tên Bùi Thị Nguyên H1 và Công ty TNHH P1 trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị. Việc chị V đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, số tiền là 6.395.017 đồng bằng tên của chị H1 sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1, chị không yêu cầu chị V trả lại số tiền này cho chị vì người lao động thực tế tại Công ty TNHH P1 là chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị V, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH P1 và chị Bùi Thị Nguyên H1 (do chị Đặng Thị V ký) trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 là vô hiệu, giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh T. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2] Xét thấy việc chị Đặng Thị V mượn giấy tờ của chị Bùi Thị Nguyên H1 gồm chứng minh thư nhân dân, bằng tốt nghiệp trung học cơ sở để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Đặng Thị V là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị V, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH P1 và chị Bùi Thị Nguyên H1 (do chị Đặng Thị V ký) trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Đặng Thị V (hồ sơ mượn tên chị Bùi Thị Nguyên H1) với Công ty TNHH P1 nhưng trên thực tế chị V có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị V (mang tên chị Bùi Thị Nguyên H1, số sổ bảo hiểm xã hội 2606001953). Do vậy cần điều chỉnh tên Bùi Thị Nguyên H1 trên Sổ bảo hiểm xã hội số 2606001953 thành Đặng Thị V. Chị Đặng Thị V và chị Bùi Thị Nguyên H1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Bùi Thị Nguyên H1 thành Đặng Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị V.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH P1 và chị Bùi Thị Nguyên H1 (do chị Đặng Thị V ký) trong thời gian từ tháng 3 năm 2005 đến tháng 5 năm 2009 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 2606001953 từ Bùi Thị Nguyên H1, sinh ngày 01/02/1984, số căn cước công dân 034184006898 thành Đặng Thị V, sinh ngày 12/6/1988, căn cước công dân số 034188010486 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021. Chị Đặng Thị V và chị Bùi Thị Nguyên H1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Bùi Thị Nguyên H1 thành Đặng Thị V.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000147 ngày 17/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bảo hiểm xã hội tỉnh T, Công ty TNHH P1, chị Đặng Thị V, chị Bùi Thị Nguyên H1 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Lý